

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2021

V/v Ly hôn giữa anh T và chị H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Hùng Dũng

2. Ông Nguyễn Hoàng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1987; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Bị đơn: Chị Văn Thị H, sinh năm 1991; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Phan Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2011, do quen biết, tìm hiểu, anh Phan Minh T và chị Văn Thị H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên anh T xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Phan Minh L, sinh ngày 25/6/2012 và cháu Phan Minh T, sinh ngày 13/10/2017. Hiện cháu L đang sống với anh T, cháu T đang sống với chị H. Anh yêu cầu được giành quyền nuôi cháu L, giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Văn Thị H trình bày: Chị H thống nhất lời trình bày của anh Phan Minh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung và thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, chị xác định là vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Nay chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, do còn thương anh T.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị có ý kiến sau:

Về con chung: Chị yêu cầu được giành quyền nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh T tài cấp dưỡng nuôi con là 15.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của anh T và chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Theo chị H là vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Thời gian sống ly thân, vợ chồng thừa nhận không quan tâm lẫn nhau. Anh T đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, anh T cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị H. Chị H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục được anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, tại Đơn xác nhận ngày 16/10/2020 thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cự cãi nhau. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh T xin ly hôn với chị H là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Phan Minh L, sinh ngày 25/6/2012 và cháu Phan Minh T, sinh ngày 13/10/2017. Hiện cháu L đang sống

với anh T, cháu T đang sống với chị H. Anh T yêu cầu được giành quyền nuôi cháu L và giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H yêu cầu được giành quyền nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Xét thấy: Từ lúc vợ chồng sống ly thân, cháu L chung sống với anh T, cháu T đang chung sống với chị H. Cháu L có nguyện vọng được chung sống với anh T. Đối với cháu T còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của chị H. Hiện tại, anh T và chị H đều có công việc, thu nhập ổn định và đã nuôi các cháu đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Để phát triển bình thường về mặt tâm lý cũng như tiện bề chăm sóc cho các cháu được thuận lợi nên cần thiết ổn định các cháu như ban đầu. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu L cho anh T và giao cháu T cho chị H nuôi tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 15.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nên đối với yêu cầu của chị H về việc buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy: Anh T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nhưng không cao và còn đang nuôi dưỡng cháu L. Hiện cháu T còn nhỏ và cũng chưa đến tuổi để đi học nên nhu cầu thiết yếu để chăm sóc, nuôi dưỡng cũng chưa nhiều. Do đó, đối với mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị H là quá cao so với thu nhập thực tế của anh T. Do đó, buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Trường hợp, sau này anh T có điều kiện và thu nhập ổn định, đồng thời cháu T có nhu cầu thiết yếu cao hơn thì các bên được quyền thỏa thuận để thay đổi mức cấp dưỡng cho phù hợp theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu L.

[2.3] *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Nghĩa vụ chung*: Anh T và chị H xác định không có.

[3] *Án phí*: Nguyên đơn anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Phan Minh T và chị Văn Thị H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phan Minh L sinh ngày 25/6/2012 cho anh T và giao cháu Phan Minh T, sinh ngày 13/10/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến

tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu L.

Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

3. *Về chia tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Anh T và chị H xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Phan Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013332 ngày 12 tháng 10 năm 2020 thành tiền án phí. Buộc anh T phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

Các đương sự quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng